**Spring Controller**

| Ý CHÍNH | NỘI DUNG |
| --- | --- |
| Controller Annotation | * @Controller dùng để đánh dấu một class Spring MVC controller (dùng web application) * @RestController dùng để đánh dấu một class là restfull controller (dùng cho web service – đây là dịch vụ cung cấp data không có giao diện) |
| @RequestMapping và các thuộc tính | * Annotation @RequestMapping được dùng để ánh xạ các request tới controller tương ứng. Có thể áp dụng cho cả class và handle method. * Thuộc tính: * value (URL pattern) * method: GET, POST, PUT, PATCH, DELETE * consumer: định dạng kiểu dữ liệu khi client request tới server (tương ứng với cài đặt “content-type” của request header) * produces: định nghĩa kiểu dữ liệu trả về cho client (tương ứng với cài đặt “accept” của request header) * Các biến thể: * @GetMapping * @PostMapping * @DeleteMapping * @PutMapping * @PatchMapping |
| @RequestParam | * Sử dung @RequestParam để lấy giá trị trên URL theo định dạng key-value (param động) * Thuộc tính: * value: tên của parameter (key) gửi lên server. * required: param có bắt buộc hay không? (mặc định là bắt buộc – true) * default: giá trị mặc định của param |
| @PathVariable | * Sử dụng @PathVariable để lấy giá trị tham số tĩnh trên URL. * @PathVariable có thể sử dụng regex. |
| Handle method | * Handle method là method dùng để nhận request của người dùng, xử lý và trả về kết quả * Các tham số truyền vào handle method: * HttpServletRequest * @RequestParam * @PathVariable * Model * ModelMap * … * Giá trị trả về: * String * ModelAndView * … |